

Số /BC-BV

Bắc Hà, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Bộ chỉ số chất lượng Bệnh viện năm 2024

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định 7051/QĐ-BYT ngày 29/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn xây dựng thí điểm một số chỉ số cơ bản đo lường chất lượng bệnh viện;

Thực hiện kế hoạch số 53 /KH-BV, ngày 24 tháng 6 năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà về kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2024.

Căn cứ dữ liệu thu thập được từ các khoa, phòng: KHTH, TCHC-HCKT, Nội tổng hợp, Nhi, KSNK, Ngoại tổng hợp, CC-HSTC-CD, YHCT-PHCN.

Phòng KHTH báo cáo kết quả theo dõi thực hiện chỉ số đo lường chất lượng bệnh viện năm 2024.

1. Danh mục các chỉ số đo lường và cách tính

STT	Chỉ số	Cách tính	Nguồn thu thập	Phương pháp thu thập
1	Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến	Số kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến được cấp có quản lý có thẩm quyền phê duyệt(BYT/SYT) = _____ *100%	Số lượng danh mục kỹ thuật chuyên môn bệnh viện đã được phê duyệt do phòng KHTH cung cấp	Email
		Tổng số kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến được liệt kê tại thông tư 43/2013/TT-BYT	Tổng số kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến do phòng KHTH cung cấp (được liệt kê tại TT 43/2013/TT-BYT)	Email
2	Công suất sử dụng giường bệnh	Tổng số ngày điều trị nội trú trong kỳ báo cáo = _____ *100%	Tổng số ngày điều trị nội trú được trích xuất trực tiếp từ phần mềm	Phần mềm
		Tổng số giường bệnh * số ngày trong kỳ báo cáo	Tổng số giường kế hoạch * số ngày trong tháng/năm	Thủ công

3	Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh	Số lượng người bệnh bị tử vong trong bệnh viện và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong kỳ báo cáo $= \frac{\text{Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo}}{\text{Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo}} * 100\%$	Tổng số người bệnh tử vong và số người bệnh nặng xin về được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
		Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo	Tổng số người bệnh điều trị nội trú được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
4	Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh	Số lượng người bệnh được chỉ định chuyển lên tuyến trên trong kỳ báo cáo $= \frac{\text{Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo}}{\text{Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo}} * 100\%$	Số người bệnh được chỉ định chuyển lên tuyến trên được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
		Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo	Tổng số người bệnh điều trị nội trú được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
5	Tỷ suất tai nạn thương tích do vật sắc nhọn tại khoa YHCT - PHCN	Số nhân viên y tế bị tai nạn thương tích do vật sắc nhọn trong kỳ báo cáo $= \frac{\text{Số nhân viên y tế bị tai nạn thương tích do vật sắc nhọn trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng số nhân viên}} * 100\%$	Số nhân viên bị tai nạn thương tích do vật sắc nhọn do khoa KHTH cung cấp	Đường dẫn
		Tổng số nhân viên	Số lượng nhân viên do phòng TCHC-HCKT cung cấp	Đường dẫn
6	Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ	Số người bệnh bị nhiễm khuẩn vết mổ trong kỳ báo cáo $= \frac{\text{Tổng số người bệnh được phẫu thuật trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng số người bệnh được phẫu thuật trong kỳ báo cáo}} * 100\%$	Số người bệnh bị nhiễm khuẩn vết mổ do khoa KSNK cung cấp	Thủ công
		Tổng số người bệnh được phẫu thuật trong kỳ báo cáo	Tổng số người bệnh được phẫu thuật được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
7	Tỷ lệ tiêm chủng phòng viêm gan B trong nhân viên y tế	Số NVYT tiêm chủng viêm gan B đủ 3 liều $= \frac{\text{Tổng số NVYT có chỉ định tiêm phòng VGB}}{\text{Tổng số NVYT có chỉ định tiêm phòng VGB}} * 100\%$	Số lượng NVYT được tiêm ngừa phòng VGB do phòng TCHC cung cấp	Thủ công
		Tổng số NVYT có chỉ định tiêm phòng VGB	Số lượng nhân viên được chỉ định tiêm ngừa VGB do phòng TCCB cung cấp	Thủ công
8	Hiệu suất sử dụng phòng mổ	Tổng số thời gian sử dụng phòng mổ (thời gian ra – thời gian vào) trong kỳ báo cáo $= \frac{\text{Số lượng phòng mổ} * 8 \text{ giờ} * 5 \text{ ngày/tuần}}{\text{Số lượng phòng mổ} * 8 \text{ giờ} * 5 \text{ ngày/tuần}}$	Số thời gian sử dụng phòng mổ do khoa Ngoại tổng hợp cung cấp	Thủ công
		Số lượng phòng mổ * 8 giờ * 5 ngày/tuần	Số lượng phòng mổ	Thủ công

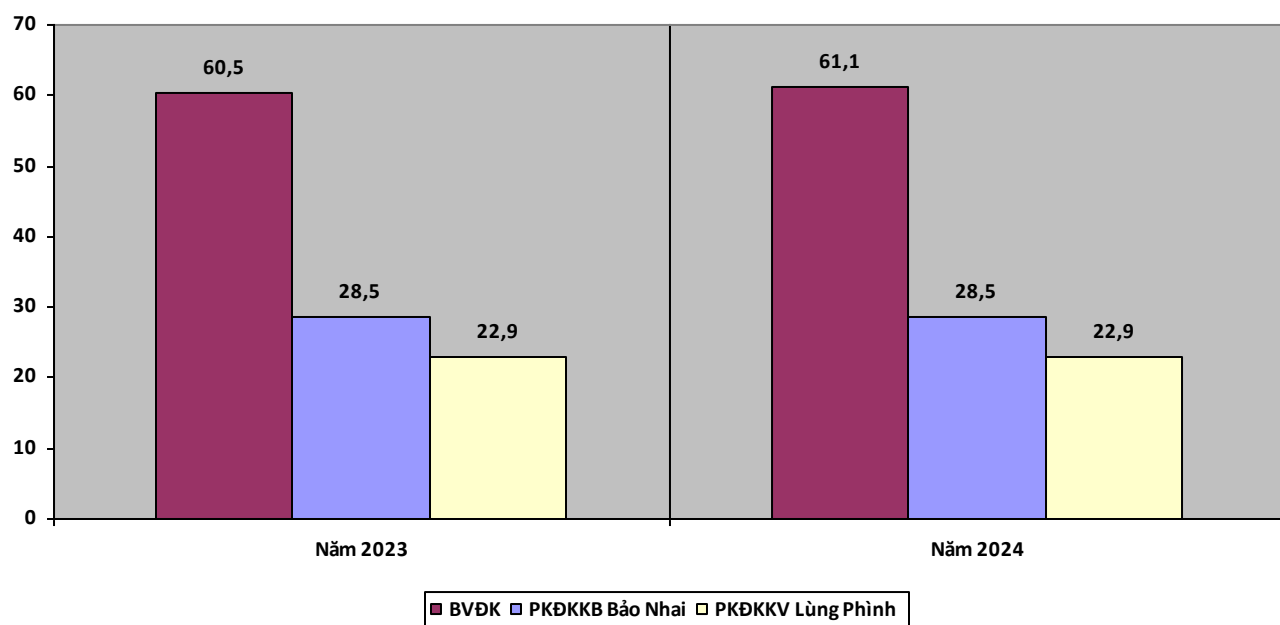
9	Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện	Số người bệnh viêm phổi mắc phải do nhiễm khuẩn bệnh viện trong kỳ báo cáo = _____ *100%	Số người bệnh viêm phổi do nhiễm khuẩn do khoa KSNK cung cấp	Thủ công
		Tổng số người bệnh thở máy và/hoặc nằm viện từ 48h trở lên trong kỳ báo cáo	Số người bệnh nằm viện từ 48h trở lên được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
10	Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh tại khoa Nhi	Số lượng người bệnh được chỉ định chuyển lên tuyến trên trong kỳ báo cáo = _____ *100%	Số người bệnh được chỉ định chuyển lên tuyến trên được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm
		Số người bệnh điều trị nội trú trong kỳ báo cáo	Tổng số người bệnh điều trị nội trú được trích xuất từ phần mềm	Phần mềm

2. Kết quả đo lường các chỉ số

2.1. Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến khám chữa bệnh

Thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến là chỉ số đánh giá năng lực chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện, là căn cứ để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong diện bao phủ và là cơ sở để đầu tư, phát triển bệnh viện. Kết quả đo lường chỉ số “Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến” năm 2024 tại Bệnh viện Bắc Hà có 9.691 kỹ thuật đã được phê duyệt thực hiện trên tổng số 15.871 đạt 61,1%. Tại PKĐKKV Bảo Nhai và PKĐKKV Lùng phình năm 2024 ko bổ sung thêm danh mục kỹ thuật.

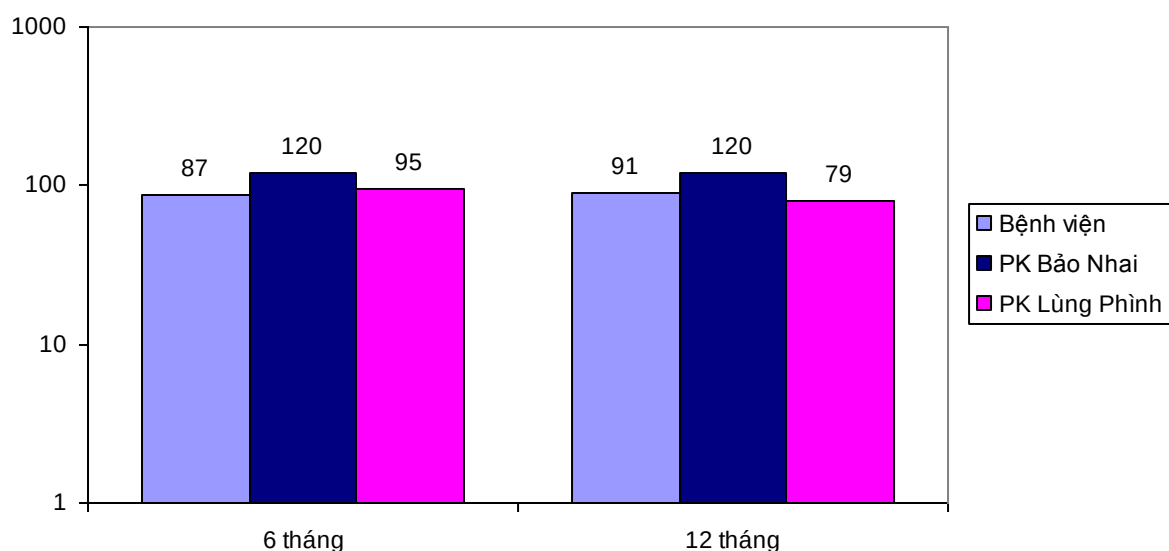
Ngưỡng phấn đấu năm 2024			Năm 2023		Năm 2024	
	Số KT	Tỷ lệ	Số KT	Tỷ lệ	Số KT	Tỷ lệ
Bệnh viện 15.871	10.802 (1200)	68	9.602	60.5	9.710 (108)	61.2
PKĐKKV 4.571			2.347			
PKĐKV Bảo Nhai	2.131 (829)	41	1.302	28.5	1.354 (52)	29.7
PKĐKKV Lùng Phình	1.617 (572)	41	1.045	22.9	1.132 (87)	24.8



2.2. Công suất sử dụng giường bệnh

2.2.1. công suất sử dụng giường bệnh chung

STT	Khoa điều trị	Ngưỡng năm 2024 (%)	Tổng số ngày điều trị (ngày)	Số giường bệnh thực kê	Công suất sử dụng giường bệnh 6 tháng	Công suất sử dụng giường bệnh 12 tháng
1	Bệnh viện	100	28.505	180	87	91
2	PKĐKV Bảo Nhài	100	5.498	25	120	120
3	PKĐKKV Lùng Phình	100	2.039	10	95	79



- Tổng số giường bệnh kế hoạch 215 giường bệnh trong đó:

+ Bệnh viện: 180 giường bệnh

+ PKĐKKV Bảo Nhai: 25 giường bệnh

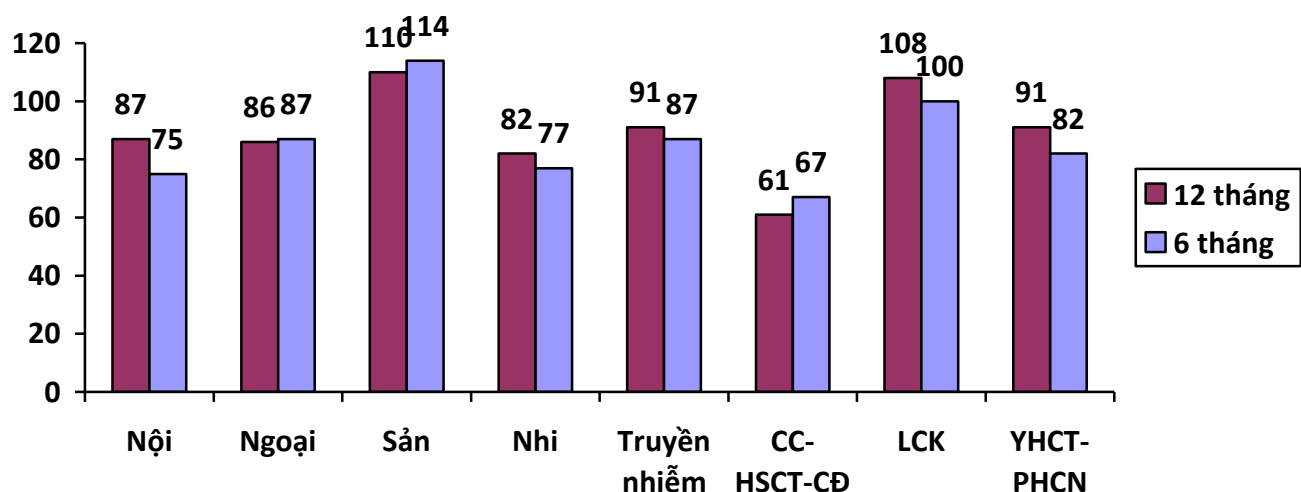
+ PKĐKKV Lũng Phình: 10 giường bệnh

- Kết quả đo lường cho thấy công suất sử dụng giường bệnh tại bệnh viện nằm trong khoảng 70 – 95% chưa đạt theo đúng chỉ tiêu đề ra. Bệnh viện triển khai các giải pháp nhằm tăng số lượng bệnh nhân, thường xuyên rà soát các khoa lâm sàng tăng cường công tác điều trị, phát huy hiệu quả khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

2.2.2. Công suất sử dụng giường bệnh tại các khoa lâm sàng

STT	Khoa điều trị	Ngưỡng năm 2024 (%)	Tổng số ngày điều trị (ngày)	Số giường bệnh thực kê	Công suất sử dụng giường bệnh thực kê 6 tháng	Công suất sử dụng giường bệnh thực kê 12 tháng
1	Khoa Nội tổng hợp	100	10.845	34	75	87
2	Khoa Ngoại tổng hợp	100	10.711	34	87	86
3	Khoa Phụ Sản	100	10.067	25	114	110
4	Khoa Nhi	100	9.866	33	77	82
5	Khoa Truyền Nhiễm	100	5.307	16	87	91

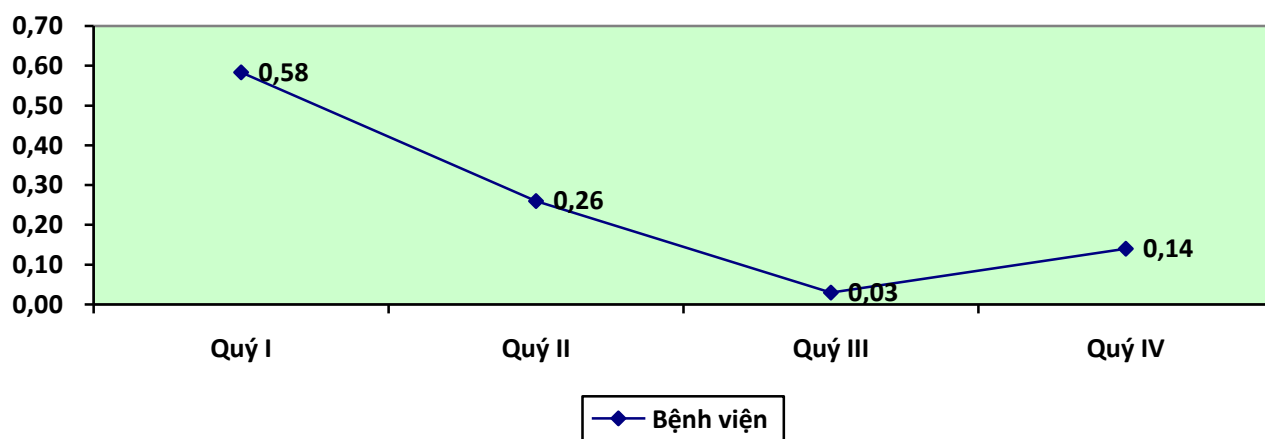
6	Khoa HSCC – CĐ	100	1.777	8	67	61
7	Khoa LCK	100	7.114	18	100	108
8	Khoa YHCT&PHCN	100	3.997	12	82	91



Kết quả đo lường cho thấy công suất sử dụng giường bệnh tại các khoa lâm sàng nằm trong khoảng từ 60 – 114 %. Khoa có công suất sử dụng giường bệnh cao nhất là khoa Phụ Sản đạt 114% và thấp nhất khoa CC-HSTC-CĐ đạt 67%.

2.3. Tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về trong tất cả các bệnh

Quý	Tổng số BN điều trị nội trú	tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về	Tỷ lệ
I	2.572	15	0.58
II	2.734	7	0.26
III	2.901	1	0.03
IV	2.831	4	0.14



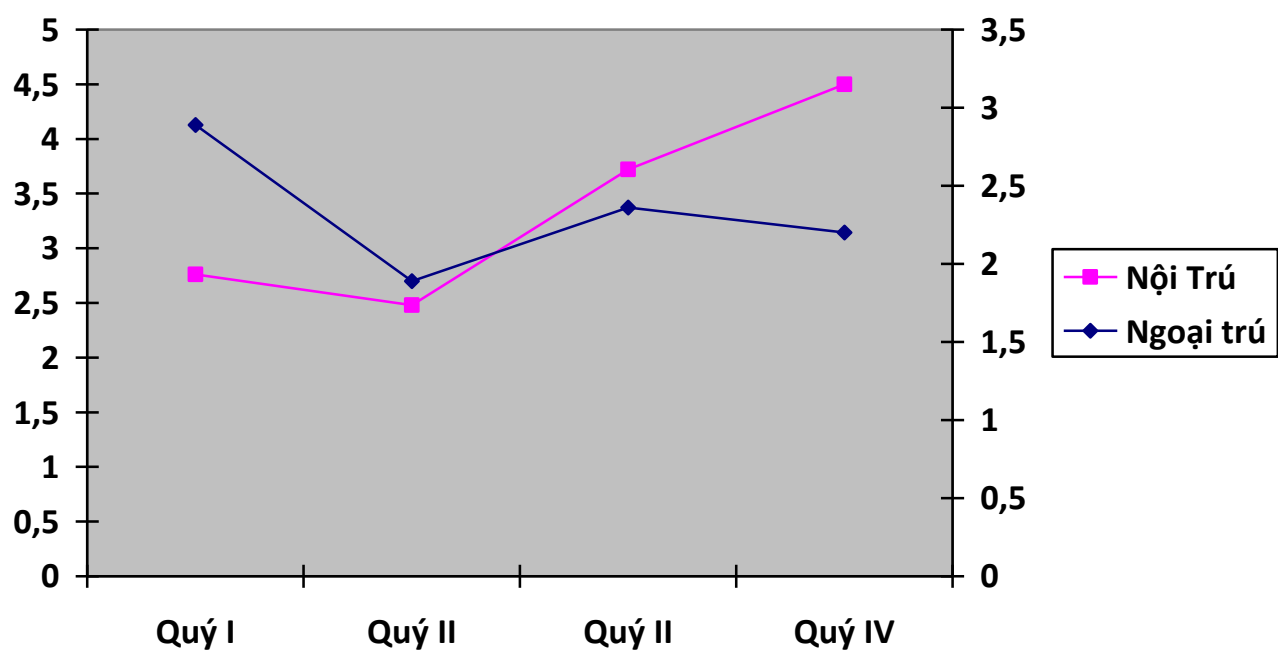
- Kết quả đo lường quý I năm 2024 tỷ lệ tử vong và tiên lượng tử vong và tiên lượng tử vong gia đình xin về có tỷ lệ cao nhất đạt 0.583% và thấp nhất vào quý III đạt 0.03%

- Đề xuất: Tăng cường công tác đào tạo tập huấn nâng cao chất lượng trong cấp cứu, điều trị. Tăng cường công tác phát hiện, quản lý, đánh giá nguy cơ, sự cố sai sót y khoa, đặc biệt không để xảy ra sự cố nghiêm trọng. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình kỹ thuật chuyên môn, hoạt động bình bệnh án để có những đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời.

- Phương hướng: Tiếp tục duy trì ngưỡng < 10%. Thống kê tỷ lệ tử vong và bệnh nặng xin về theo từng lĩnh vực, chuyên khoa để tìm hiểu nguyên nhân, phân tích xu hướng từ đó có kế hoạch can thiệp.

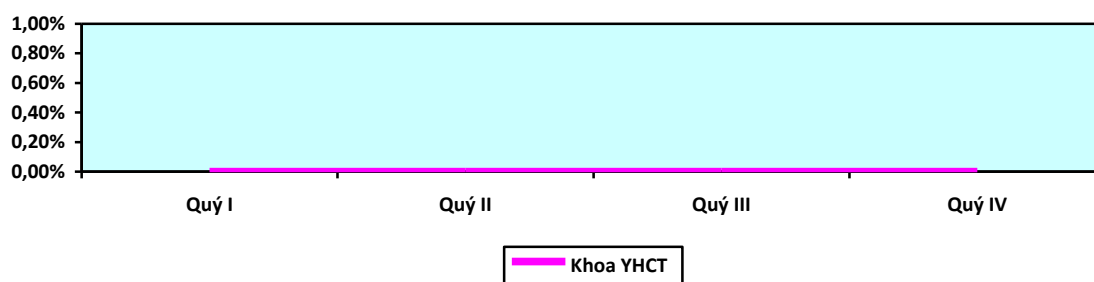
2.4. Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh

Quý	Tổng số BN		Tổng số BN chuyển tuyến trên		Tỷ lệ	
	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú
I	2.572	7.737	71	224	2.76	2.89
II	2.734	7.872	68	149	2.48	1.89
III	2.901	8.758	108	207	3.72	2.36
IV	2.831	5.855	128	130	4.5	2.2



2.5. Tỷ suất tai nạn thương tích do vật sắc nhọn tại khoa YHCT - PHCN

Quý	Tổng số cán bộ	Số cán bộ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn	Tỷ lệ
I	8	0	0
II	8	0	0
III	8	0	0
IV	8	0	0

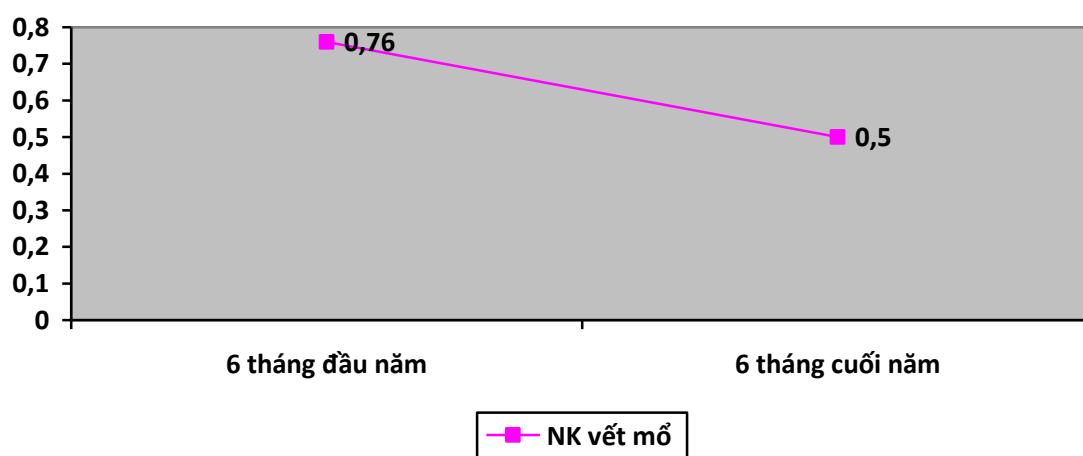


Kết quả đo lường năm 2024 cho thấy, trường hợp nhân viên y tế bị tai nạn thương tích do vật sắc nhọn không ghi nhận trường hợp nào.

Phương hướng: Tiếp tục duy trì chỉ tiêu tỷ suất tai nạn thương tích do vật sắc nhọn năm 2025 $\leq 5\%$.

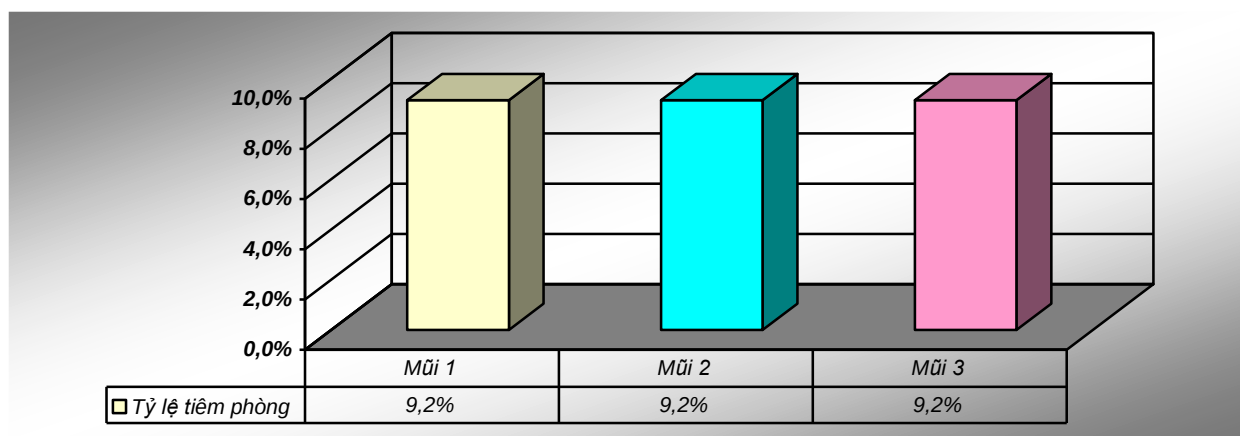
2.6. Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ

Thời gian	Tổng số bệnh nhân phẫu thuật	Số mắc NKBV	Tỷ lệ
6 tháng đầu năm	396	3	0.76
6 tháng cuối năm	395	2	0.5



2.7. Tỷ lệ tiêm chủng viêm gan B trong nhân viên y tế

STT	Tổng số cán bộ	Tổng số cán bộ được tiêm			Tỷ lệ
		Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	
1	142	13	13	13	9.15

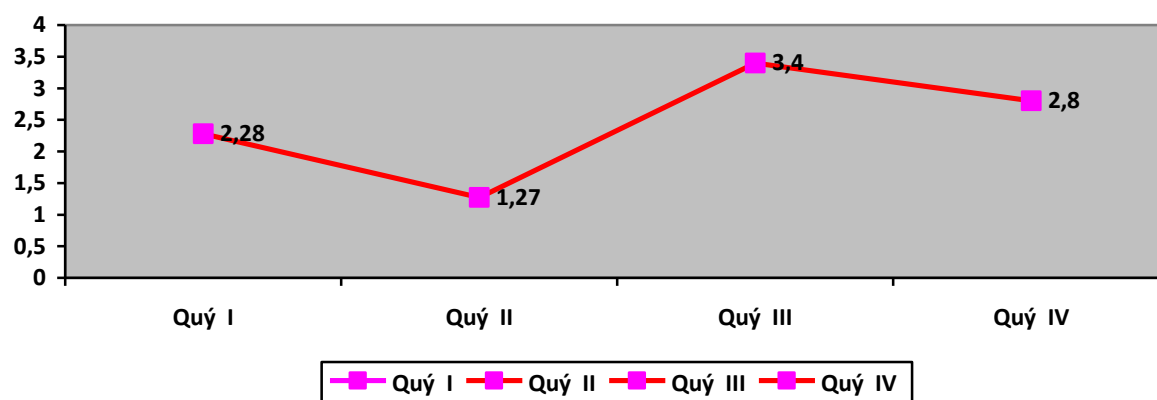


Trong năm 2024 tổng số nhân viên y tế được tiêm phòng viêm gan B đủ 3 mũi có 13/142 đạt 9% đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch đề ra

Phương hướng: Xây dựng kế hoạch tiêm phòng viêm gan B cho nhân viên y tế trình giám đốc phê duyệt để đạt kết quả $\geq 90\%$.

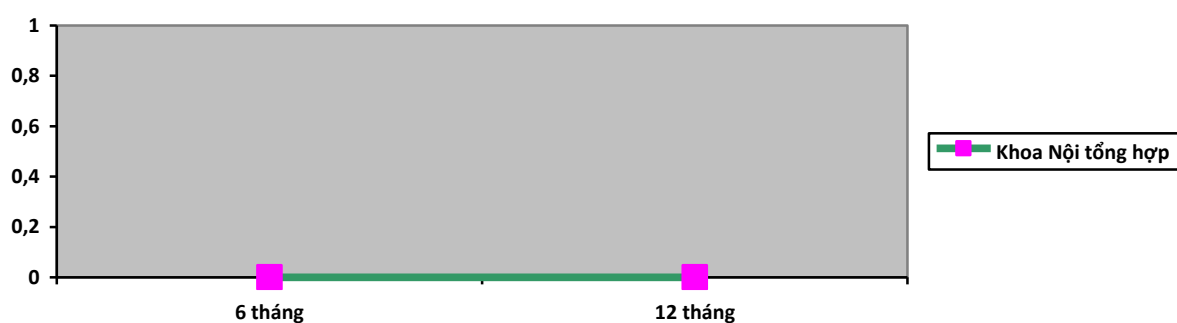
2.8. Hiệu suất sử dụng phòng mổ

Quý	Thời gian sử dụng phòng mổ	Số lượng phòng mổ *8 giờ *5 ngày/tuần	Tỷ lệ
I	228	80	2.28
II	138	80	1.72
III	272	80	3.4
IV	224	80	2.8



2.9. Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa Nội tổng hợp

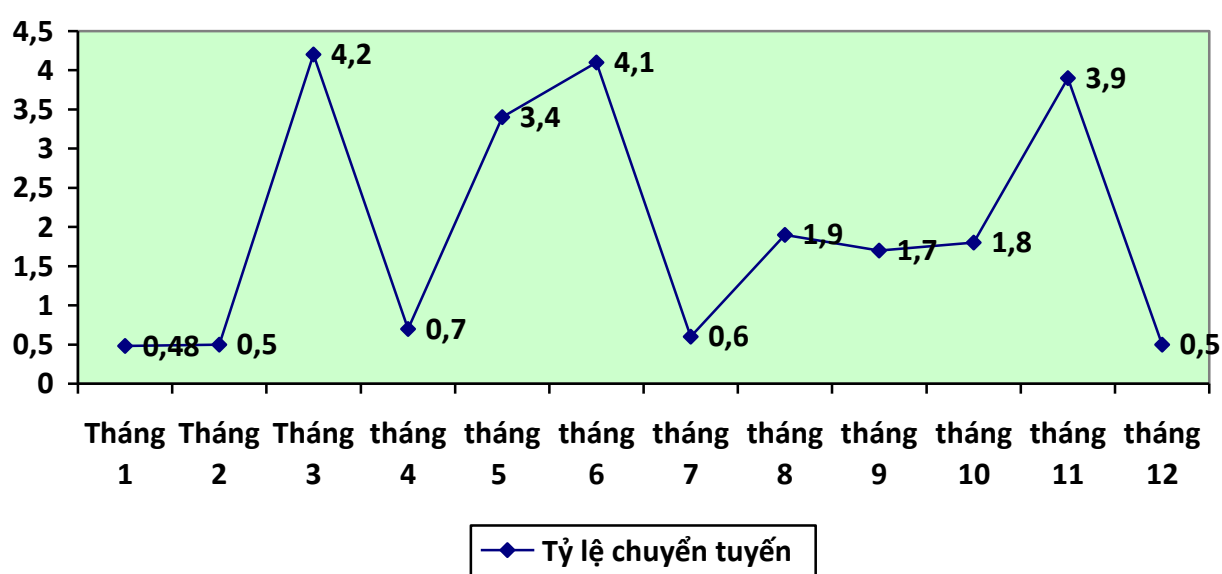
Thời gian	Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Số BN mắc viêm phổi	Tỷ lệ
6 tháng đầu năm	963	0	0
6 tháng cuối năm	1.089	0	0



2.10. Tỷ lệ chuyển tuyến trên khám chữa bệnh tại khoa Nhi

Tháng	Tổng số BN điều trị nội trú	Tổng số bệnh nhân chuyển tuyến	Tỷ lệ % chuyển tuyến
1	205	1	0.48
2	118	1	0.84
3	144	5	4.2
4	140	1	0.7
5	176	6	3.4
6	144	6	4.1
7	157	1	0.6

8	156	3	1.9
9	175	3	1.7
10	214	4	1.8
11	176	7	3.9
12	205	1	0.48



3. Kết luận

3.1. Thuận lợi

- Sự phối hợp và hỗ trợ về CNTT trong trích xuất dữ liệu giúp thu thập số liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện, độ tin cậy cao.
- Sự hợp tác của các khoa, phòng được phân công phụ trách cung cấp dữ liệu hàng tháng, quý, năm.
- Các chỉ số định nghĩa rõ ràng, các mục tiêu cần đạt

3.2. Khó khăn

- Một số dữ liệu chưa được kết xuất trực tiếp từ phần mềm, phải thực hiện nhập thủ công.

- Phần mềm quản lý chỉ hỗ trợ thu thập số liệu việc phân tích phải được thực hiện thủ công

4. Kiến nghị, đề xuất

- Duy trì các chỉ số đã đạt chỉ tiêu đề ra, cải tiến và tiếp tục theo dõi các chỉ số chưa đạt

Nơi nhận:

- Các khoa, phòng, PKĐKKV;
- Lưu VT,KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Tuấn